

Số: 468/CV-BVNQ

Quận Ngô Quyền, ngày 31 tháng 08 năm 2020

V/v công bố bệnh viện đa khoa Quận
Ngô Quyền là cơ sở khám chữa bệnh đáp
ứng là cơ sở thực hành trong đào tạo
khối ngành sức khỏe

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Tên cơ sở công bố:	Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền
Giấy phép hoạt động số:	01/2014/GPHĐBV, do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 03 năm 2014
Địa chỉ:	Số 21 Lê Lợi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Chịu trách nhiệm chuyên môn	BSCKII.Trần Thị Thu Hương
Điện thoại liên hệ:	02253.855.381
Email:	bvdnngoquyen2013@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- 1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Phụ lục 1)**
- 2. Trình độ đào tạo thực hành: (Phụ lục 1)**
- 3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Phụ lục 1)**
- 4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2)**
- 5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: (Phụ lục 2)**
- 6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành : (Phụ lục 3)**

Bệnh viện đa khoa quận Ngô Quyền cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế hải Phòng xem xét, đăng tải thông tin theo quy định ./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTH.



BSCKII.Trần Thị Thu Hương

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH
(Tại một thời điểm)

I. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC:

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/G hế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ Ghế răng	Số lượng người đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720101	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Nội chung	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Nội tổng hợp	01	10	10	30	0	10
				Nội chung	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa khám bệnh	01	10			0	10
				Nội chung và cấp cứu cơ bản	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Hồi sức cấp cứu	01	01	10	30	0	10
				Ngoại khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Ngoại	10	10	10	30	0	10
				Sản phụ khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Sản	01	10	10	30	0	10
				Nhi khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Nhi	01	10	10	30	0	10
				Truyền Nhiễm	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Truyền nhiễm	01	10	10	30	0	10
				Tai Mũi Họng	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa LCK	01	10	04	12	0	10
				Mắt	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa LCK	01	10	04	12	0	10
2	7720115	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Y học cổ truyền/ PHCN	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa Đông Y	01	10	10	30	0	10
3	7720501	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Răng Hàm mặt	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán	Khoa LCK	01	10	04	12	0	10



4	7720201	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Dược	Thực hành Dược lý, dược Lâm Sàng	Khoa Dược	02	20			0	20
5	7720602	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	01	10			0	10
6	7720601	Đại học	Y khoa (đa khoa)	Xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực huyết học – truyền máu, hắc sinh, vi sinh	Khoa xét nghiệm	01	10			0	10
7	7720301	Đại học	Điều dưỡng	Chăm sóc NB cấp cứu và CS tích cực	Thực hành lâm sàng	Khoa Hồi sức cấp cứu	01	10	06	18	0	10
				Chăm sóc NB Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Nội	01	10	06	18	0	10
				Chăm sóc NB Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại	01	10	06	18	0	10
				Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	01	10	06	18	0	10
				Chăm sóc NB RHM	Thực hành lâm sàng	Khoa Liên chuyên khoa	01	10	04	12	0	10
8	7720302	Đại học	Nữ hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Sản	01	10	05	15	0	10
9	7720601	Đại học	Xét nghiệm	Thực hành các kỹ thuật xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm	Khoa xét nghiệm	01	10			0	10

II.ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tin chỉ	Nội dung	Tên khoa	Số lượng NGĐ đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGĐ	Số giường/ Ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường/ Ghế răng	Số lườn g đang học	Số lượng có thể nhân thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720301	Cao Đẳng	Điều Dưỡng	Chăm sóc NB Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Nội	01	15	05	15	0	15
				Chăm sóc NB Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại	01	15	05	15	0	15
				Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	01	15	05	15	0	15
				Chăm sóc NB RHM	Thực hành lâm sàng	Khoa Liên chuyên khoa	01	15	05	15	0	15
2	7720602	Cao Đẳng	CĐHA	Thực hành kỹ thuật CĐHA	Thực hành lâm sàng	Khoa CĐHA	01	15			0	15
3	7720601	Cao đẳng	Xét nghiệm	Thực hành kỹ thuật Xét nghiệm	Thực hành lâm sàng	Khoa Xét nghiệm	01	15			0	15

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY, KHOA, GIỜ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC HÀNH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú..	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	ĐẠI HỌC Y ĐA KHOA									
1	Trịnh Hoàng Phương	BSCKI	Nội khoa	002395/HP-CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	16	Bệnh học nội khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Nội	10
2	Đào Trọng Luyện	BSCKI	Nội khoa	005000/HP-CCHN	KB,CB Nội Khoa	25	Bệnh học nội khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa khám bệnh	
3	Thiều Thị Ngọc Lan	BSCKI	Nội khoa	004994/HP-CCHN	KB,CB Nội Khoa	14	Bệnh học nội khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa HSCC	10
4	Nguyễn Hoàng Đại	BSCKI	Ngoại khoa	004975/HP-CCHN	KB,CB chuyên khoa Ngoại	25	Bệnh học Ngoại khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Ngoại	10
5	Nguyễn Thị Kim Dung	BSCKI	Sản khoa	002364/HP-CCHN	KB,CB chuyên khoa Sản - KHHGD	25	Bệnh học sản khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Sản	10
6	Phí Thị Thành	BSCKI	Nhi khoa	002407/HP-CCHN	KB,CB chuyên khoa Nhi	30	Bệnh học Nhi khoa	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Nhi	10
7	Nguyễn Thị Thu Thủy	BSCKI	Nội khoa	000143/HP-CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	25	Bệnh học truyền nhiễm	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Truyền Nhiễm	10
8	Vũ Ngọc Anh	BSCKI	TMH	000053/HP-CCHN	Chuyên khoa TMH	30	Bệnh học TMH	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Liên chuyên khoa	04
9	Nguyễn Thị Lan Anh	BSCKI	Mắt	002356/HP-CCHN	KB,CB chuyên khoa Mắt	19	Bệnh học Mắt	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Liên chuyên khoa	04

10	Nguyễn Dương Minh	BSCKI	YHCT, PHCN	9774/HP-CCHN	KB,CB bằng YHCT,KCB Phục Hồi CN	13	Bệnh học YHCT, PHCN	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Khoa Đông Y	10
11	Nguyễn Thị Hương	BSCKI	RHM	000012/HP-CCHN	Chuyên khoa RHM	13	Bệnh học RHM	Thăm khám bệnh; Triệu chứng và phương pháp chẩn đoán; Thực hành lâm sàng	Liên chuyên khoa	04
12	Trần Thị Thanh Phương	DSCKI	Dược	35/ HP - CCHND	Dược	30	Dược Lâm Sàng	Thực hiện chuyên ngành về quản lý và cung ứng thuốc	Dược	
13	Vũ Thị Hiếu	DSĐH	Dược	1601/HPC CHND		07				
14	Lê Khắc Tinh	BSCKII	CĐHA	000430/HP-CCHN	Thăm dò chức năng, CĐHA	23	Thực hành chẩn đoán hình ảnh	Thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	Khoa CĐHA	
15	Lê Thanh Hải	BSCKI	CN. Hóa sinh	005463/HP-CCHN	chuyên khoa Xét nghiệm	15	Xét nghiệm	Thực hành các kỹ thuật xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	

II ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG

1	Nguyễn Thị Hiền	ĐDDH	Điều dưỡng	002376/HP-CCHN	Điều Dưỡng	21	KT điều dưỡng, Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Khoa HSCC	06
2	Trần Thị Vân Ánh	ĐDDH	Điều dưỡng	002396/HP-CCHN	Điều Dưỡng	15	KT điều dưỡng, Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Khoa Nội	06
3	Lương Sỹ Tịnh	ĐDDH	Điều dưỡng	004984/HP-CCHN	Điều Dưỡng	23	KT điều dưỡng, Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Ngoại	06
4	Đoàn Thị Huế	ĐDDH	Điều dưỡng	002403/HP-CCHN	Điều Dưỡng	22	Chăm sóc trẻ em, trẻ sơ sinh	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Nhi	06
5	Tô Thị Thắm	ĐDDH	Điều dưỡng	002359/HP-CCHN	Điều dưỡng	12	Chăm sóc NB CK RHM	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS bệnh RHM, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Liên chuyên khoa	04

6	Trịnh Thị Huyền	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	005084/HP -CCHN	NHS	23	Chăm sóc Sân phụ khoa	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Sân	05
7	Phạm Thị Thu Hà	KTV ĐH	KTV	005022/HP -CCHN	KTV Xét nghiệm	23	Thực hành kỹ thuật Xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật Xét nghiệm	Khoa xét nghiệm	
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG										
1	Trần Thị Vân Anh	ĐDDH	Điều dưỡng	005468/HP -CCHN	Điều Dưỡng	14	KT điều dưỡng, Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Khoa Nội	05
2	Nguyễn Thị Hường	ĐDDH	Điều dưỡng	002391/HP -CCHN	Điều Dưỡng	23	KT điều dưỡng, Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Khoa Ngoại	05
3	Đỗ Thị Thanh Bình	ĐDDH	Điều dưỡng	004997/HP -CCHN	Điều Dưỡng	15	KT điều dưỡng, Thực hành chăm sóc NB	Thực hành lâm sàng; thực hành CS NB	Khoa Nhi	05
4	Đoàn Đắc Tuế	ĐDCĐ/ CC Nha khoa	Điều dưỡng	004993/HP -CCHN	Điều Dưỡng	11	Chăm sóc NB CK RHM	Thực hiện các kỹ thuật và QTCS bệnh RHM, lập kế hoạch và thực hành lâm sàng CSNB	Liên chuyên khoa	05
5	Bùi Văn Sơn	KTVHA	KTV	001067/HP -CCHN	KTV chụp X quang	10	Thực hành CĐHA	Thực hiện các kỹ thuật CĐHA	Khoa CĐHA	
6	Vũ Thị Thu Hương	KTV ĐH	KTV	005013/HP -CCHN	KTV Xét nghiệm	10	Thực hành kỹ thuật Xét nghiệm	Thực hiện các kỹ thuật Xét nghiệm	Khoa xét nghiệm	

DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn mổ đa năng	02	
2	Bộ mổ quặm mắt 10 loại chi tiết	02	
3	Bộ tập tạ kéo tay (Máy tập 4 chức năng)	01	
4	Bơm tiêm điện	03	
5	Dao mổ điện cao tần	01	
6	Dao mổ điện	03	
7	Đèn mổ treo trần ánh sáng lạnh	01	
8	Đèn soi bóng đồng tử	01	
9	Đèn soi đáy mắt	01	
10	Ghế bệnh nhân tai mũi họng	01	
11	Ghế khám nha khoa	03	
12	Giường cấp cứu đa năng	05	
13	Máy điện châm	09	
14	Máy đo khúc xạ và độ cong giác mạc	01	
15	Máy đốt điện CTC	01	
16	Máy hút dịch	07	

17	Máy hút đờm dãi	05	
18	Máy massa	03	
19	Máy máu lắng	01	
20	Máy nén khí ghế răng	01	
21	Máy nghe tim thai Baby care	01	
22	Máy rửa phim tự động	01	
23	Máy rung (massa có chân đứng)	02	
24	Máy sắc thuốc	02	
25	Máy tạo oxy	01	
26	Máy tập đa năng	03	
27	Máy thở	01	
28	Máy trợ thính Đan Mạch	01	
29	Máy xông họng OMRON CX	11	
30	Hệ thống máy số hóa XQ công nghệ DR	01	
31	Lồng ấp trẻ sơ sinh	02	
32	Máy chạy bộ	01	
33	Máy bơm tiêm điện	04	
34	Máy điện giải	01	
35	Máy điện tim 6 cần	03	
36	Máy điều trị bằng sóng siêu âm	01	
37	Máy điều trị xung điện phân	01	
38	Máy đốt điện	01	

39	Máy gây mê kèm thở	01	
40	Máy kéo dẫn cột sống	02	
41	Máy li tâm 28 ống	01	
42	Máy li tâm 24 ống	01	
43	Máy nghe tim thai	01	
44	Máy nội soi cổ tử cung màu (CAMERA)	02	
45	Máy nội soi tai mũi họng	01	
46	Máy nội soi tiêu hóa	01	
47	Máy phân tích đông máu tự động	01	
48	Máy phân tích nước tiểu	03	
49	Máy siêu âm 2D	02	
50	Máy siêu âm màu 4D	01	
51	Máy sinh hiển vi	01	
52	Máy sinh hóa tự động BT-1000	01	
53	Máy sốc tim	01	
54	Máy thở Drager	01	
55	Máy xét nghiệm huyết học	02	
56	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Erba	01	
57	Máy XQ di động	01	
58	Máy XQ Simadzu	01	
59	Monitor theo dõi bệnh nhân	05	
60	Nồi hấp ướ	01	

61	Tủ Host vô trùng	01	
62	Tủ sấy	02	
63	Tủ trữ máu	01	
64	Bộ bẫy không sang chấn	01	
65	Bộ bóp bóng hỗ trợ mặt nạ người lớn	02	
66	Bộ bóp bóng hỗ trợ mặt nạ trẻ em	04	
67	Bộ cắt Amydal	01	
68	Bộ chấn thương 23 loại chi tiết	01	
69	Bộ chích chấp	04	
70	Bộ đại phẫu Liên Xô 50 chi tiết, TQ 89 loại chi tiết	02	
71	Bộ đặt Nội khí quản	03	
72	Bộ đỡ đẻ 7 loại chi tiết	01	
73	Bộ đo nhãn áp	02	
74	Bộ dụng cụ mổ lấy thai 26 loại chi tiết	01	
75	Bộ khám phụ khoa 3 loại chi tiết	01	
76	Bộ khám răng 3 loại chi tiết	11	
77	Bộ đèn đặt nội khí quản người lớn	04	
78	Bộ nạo thai	02	
79	Bộ nẹp vít xương đùi	01	
80	Bộ phẫu thuật Glacom	01	
81	Bộ phẫu thuật phụ khoa	01	
82	Bộ phẫu thuật tiêu hóa 59 chi tiết	01	

83	Bộ phẫu thuật xương 132 chi tiết	01	
84	Bộ rạch tĩnh mạch	03	
85	Bộ rửa dạ dày	05	
86	Bộ thông lệ đạo	03	
87	Bộ tiểu phẫu	02	
88	Bộ trung phẫu	01	
89	Bơm tiêm áp lực	02	
90	Bóp bóng Ampu thổi ngạt Người lớn	06	
91	Bóp bóng Ampu thổi ngạt Trẻ em	02	
92	Dao cắt Amydal	02	
93	Dao lá lúa	02	
94	Gấp dị vật tai	01	
95	Hộp Thử thị lực	01	
96	Cây nạo ngà	02	
97	Cây nạo túi lợi	02	
98	Cây nèn ống tủy dọc	02	
99	Châm thăm răng	02	
100	Đầu lấy cao răng	01	
101	Đèn đặt Nội khí quản - Người lớn	04	
102	Đèn đặt Nội khí quản - Trẻ em	02	
103	Đèn Hồng ngoại	02	
104	Gấp thăm răng	01	

105	Bàn gậy mê inox có bánh xe	02	
106	Dao sáp	01	
107	Bàn đỡ inox + đệm	02	
108	Bàn đỡ Nhi	01	
109	Bàn khám phụ khoa inox	02	
110	Kéo các loại	02	
111	Kìm mang kim	02	
112	Kìm mở mũi	01	
113	Kìm nhổ răng các loại	01	
114	Cây nạo huyết	01	
115	Súng bắn Composite Densply	01	
116	Tay khoan chậm	01	
117	Tay khoan nhanh	01	
118	Bây thẳng các loại	02	
119	Xe tiêm	30	
120	Hộp chống shock	30	
121	Nhiệt kế thủy tinh	100	
122	Ống nghe	50	
123	Huyết áp	50	
124	Hội trường giảng dạy	02	
125	Dàn loa âm thanh	02	
126	Internet tốc độ cao	01	

127	Máy chiếu	01	
128	Máy tính	02	
129	Bảng trắng	02	
130	Quầy thuốc	01	
131	Kho thuốc	06	